

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 28/02/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-30mm, có nơi cao hơn như tại Hà Giang 44mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%. + Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 54%. + Sông Đà: Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 01/2026 giảm so với tháng trước do chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La và mưa trên lưu vực, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 47%. + Sông Hồng: Trong tháng có 02 đợt dao động tăng do các hồ thủy điện tăng cường phát điện phục vụ lấy nước gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, như sau: - Đợt 1: Từ ngày 16/1 đến ngày 20/1/2026 (5 ngày) - Đợt 2: Từ ngày 29/1 đến ngày 4/2/2026 (7 ngày). Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN 20% cùng kỳ.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tiếp tục giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%. + Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô thấp hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 46%.

- + Sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế giảm so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 23%.
- + Sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 02 có dao động vào những ngày đầu do vẫn trong thời kỳ lấy nước đợt 02; sau đó biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức cao hơn TBNN 13% cùng kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-20mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 12 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 331% so với TBNN cùng kì.
+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng nước đến biến đổi chậm xu thế xuống dần; tổng lượng dòng chảy tháng 02 tại trạm Chũ ở mức thấp hơn so với cùng kì TBNN 6%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trong tháng 02, lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm xu thế xuống dần. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 173%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức thấp hơn TBNN 10%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa đến Nghệ An: 20-40mm; từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn: Huế 103mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 01, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 34%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 12%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 22%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 62%
+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm

Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 343%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: khu vực từ Thanh Hóa – Nghệ An phổ biến 10-20mm, khu vực từ Hà Tĩnh-Tp Huế phổ biến từ: 30-80mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 2, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn khoảng 12%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 13%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 76%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 434%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 40-80mm, có nơi cao hơn như tại Trà My 113mm; phía Nam khu vực từ 10-25mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 11%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 54%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 27%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 53%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 4%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 13%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 77% so với TBNN.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 40-100mm, có nơi cao hơn; khu vực còn lại phổ biến 10-40mm, có nơi thấp hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 02/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 40%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 76%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông

biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 57%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 3% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 10mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 1, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần và đều ở mức thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 57%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 6%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-20mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên 2 lưu vực biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 23%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/03/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 28/02/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	16	<64	20-40	<15-25
	Sơn La	4	<86	15-30	<15-25
	Hòa Bình	27	>13	10-20	Xấp xỉ
	Lào Cai	5	<87	15-30	<10-20
	Yên Bái	27	<29	20-40	Xấp xỉ
	Tuyên Quang	12	<64	20-40	Xấp xỉ
	Hà Giang	45	<1	30-50	Xấp xỉ
	Láng	8	<74	15-30	Xấp xỉ
	Thái Bình	25	<26	15-30	Xấp xỉ
	Nam Định	4	<87	20-40	Xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	15	<48	20-40	Xấp xỉ
	Thái Nguyên	5	<83	15-30	Xấp xỉ
	Bắc Ninh	3	<93	15-30	Xấp xỉ
	Lạng Sơn	4	<92	15-30	<10-20
	Bắc Giang	15	<54	15-30	Xấp xỉ
	Hải Dương	20	<26	10-20	Xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	5	<78	10-20	Xấp xỉ
	Bái Thượng	24	<26	20-40	Xấp xỉ
	Thanh Hóa	8	<67	15-30	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	29	>39	15-30	>15-30
	Cửa Rào	4	<76	15-30	>15-30
	Đô Lương	34	>5	30-50	>15-30
	Vinh	38	<38	30-50	>15-30
	Hương Sơn	9	<83	30-50	>15-30
	Hương Khê	35	<15	30-60	>15-30
	Hà Tĩnh	66	<32	30-60	>25-40
	Đồng Hới	71	>15	25-50	>15-30
	Quảng Trị	42	<37	25-50	>15-30

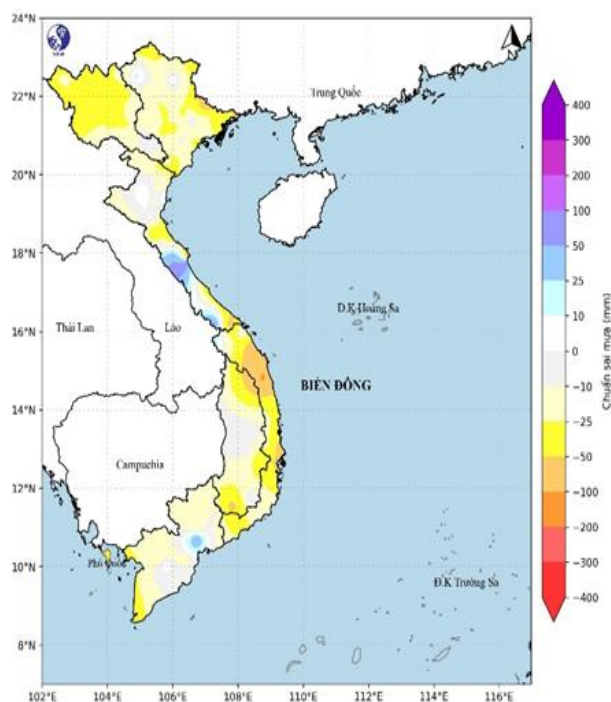
Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Nam Đông	61	<50	40-80	>15-30
	Huế	103	<26	40-80	>10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	83	<1	20-40	>15-30
	Trà My	113	<34	70-120	>25-40
	Ba Tơ	62	<63	60-100	>25-40
	Quảng Ngãi	36	<72	40-80	>25-40
	Quy Nhơn	42	<45	25-50	>15-30
	An Khê	8	<70	10-20	>15-30
	Tuy Hòa	17	<79	25-50	>10-20
	Nha Trang	7	<86	15-25	>10-20
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	10-20	Xấp xỉ
	Lắk	0	<100	3-10	Xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	0	<100	3-10	Xấp xỉ
	Biên Hòa	0	<99	5-15	Xấp xỉ
	Cần Thơ	18	>50	5-15	Xấp xỉ

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính*Đơn vị: 10⁶ m³*

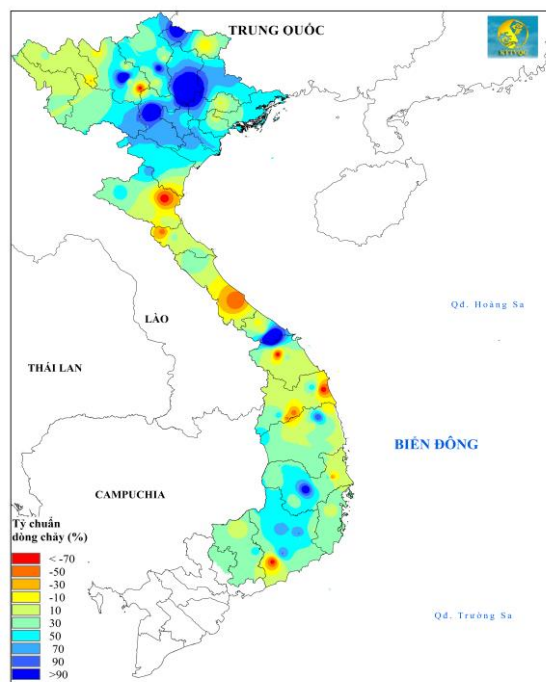
Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	150	< 78	116	< 76
Lô	Tuyên Quang	W	525	< 54	448	< 46
Đà	Hồ Hòa Bình	W	2269	> 47	1403	> 23
Hồng	Hà Nội	W	3556	> 20	3059	> 13
Cầu	Gia Bảy	W	220	> 331	128	> 173
Lục Nam	Chũ	W	14	< 6	10,6	< 10
Mã	Cẩm Thủy	W	549	> 34	423	> 18
Cả	Yên Thượng	W	678	> 12	510	> 12
La	Hòa Duyệt	W	216	> 22	107	< 13
Tả Trách	Thượng Nhật	W	130	> 343	82	> 434
Thu Bồn	Nông Sơn	W	809	> 11	571	> 54
Trà Khúc	Sơn Giang	W	686	> 40	443	> 76
Ba	Củng Sơn	W	198	< 53	73	< 57
Cái N,T	Đồng Trăng	W	152	> 4	75	> 3
ĐăkBlá	KonTum	W	71	< 57	63	< 39
Srêpôk	Giang Sơn	W	190	> 6	73	~ TBNN
Tiên	Tân Châu	W			11540	> 23
Hậu	Châu Đốc	W			1350	~ TBNN

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/01/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (mm)
so với TBNN



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng
chảy so với TBNN